

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS - ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2024
“*V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền
cho vay*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bằng

Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Huy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Duy T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Dương Quỳnh H, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

3.2 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Duy T trình bày: Ông và ông Dương Quỳnh H không có quan hệ anh em họ hàng gì, chỉ là người quen biết và sinh sống tại xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 22 tháng 01 năm 2015 ông H đến nhà ông hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng, ông đồng ý cho ông H vay tiền. Khi cho vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền, thỏa thuận nội dung vay: ông T cho ông H vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận, thời gian vay 01 năm và tính lãi là 1,2%/tháng. Sau đó đến ngày 16/5/2015 ông H lại tiếp tục vay ông số tiền 40.000.000 đồng, viết giấy vay tiền với thời hạn vay 01 năm, lãi thỏa thuận 1,2 %/tháng. Ngoài 80.000.000 đồng vay viết giấy biên nhận thì ông còn cho ông H vay thêm 10.000.000 đồng không viết giấy và cũng không tính lãi, thời hạn hai bên thỏa thuận bằng miệng là 01 năm. Toàn bộ số tiền cho ông H vay là tiền của vợ chồng ông, không liên quan đến các con. Quá thời hạn vay ông H không trả tiền gốc và lãi, ông đã rất nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền nên đến ngày 27/5/2017 ông H có viết giấy thỏa thuận vay và trả tiền cho ông thể hiện nội dung ông H xin trả trả gốc 06 tháng 01 lần và mỗi lần trả không dưới 10.000.000 đồng và lãi suất là 0,6%. Quá trình vay nợ đến ngày 24/5/2024 ông H trả cho ông được 5.000.000 đồng và ông T xác nhận ông H còn nợ lại số tiền vay 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết buộc ông H, bà Ng trả cho vợ chồng ông số tiền 85.000.000 đồng còn nợ và tự nguyện không đề nghị tính tiền lãi.

Bị đơn ông Dương Quỳnh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Về mối quan hệ xã hội giữa ông và ông T như ông T trình bày là đúng. Ông xác nhận ngày 22 tháng 01 năm 2015 ông cần tiền để đầu tư mua cá giống thả chăn nuôi mặt nước ở hồ Suối Sải nên có đến nhà ông T hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng, ông đã nhận đủ số tiền trên. Khi vay có viết giấy vay tiền, thỏa thuận nội dung vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay 01 năm và tính lãi là 1,2%/tháng. Sau đó đến ngày 16/5/2015 ông tiếp tục vay ông T số tiền 40.000.000 đồng, viết

giấy vay tiền thời hạn vay 01 năm, lãi thỏa thuận 1,2 %/tháng. Ngoài 80.000.000 đồng vay có viết giấy biên nhận thì ông còn vay thêm 10.000.000 đồng không viết giấy và cũng không tính lãi, thời hạn hai bên thỏa thuận bằng miệng là 01 năm. Ông H xác định đây là tiền ông vay đầu tư mua cá giống chăn nuôi tại hồ Suối Sỏi để phát triển kinh tế gia đình. Quá thời hạn trả nợ do việc làm ăn chăn nuôi thả cá không có thu hoạch vì thiên tai nên mất hết cá đã thả, ông không trả được tiền gốc và lãi cho ông T. Ngày 27/5/2017 ông có viết giấy khất nợ là giấy thỏa thuận vay và trả tiền cho ông T, ông xin trả trả gốc 06 tháng 01 lần và mỗi lần trả không dưới 10.000.000 đồng và lãi là 0,6% /tháng, thời điểm tính lãi kể từ tháng 5 năm 2017. Tuy nhiên việc làm ăn gặp thiên tai bị thua lỗ nên từ đó ông chưa trả được khoản tiền gốc, tiền lãi nào cho ông Tuyên. Nay ông xác định có nợ ông Lương Duy T số tiền 85.000.000 đồng vì ngày 24/5/2024 ông đã trả được 5.000.000 đồng. Ông xác định việc ông vay tiền ông T mục đích đầu tư chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình và vợ ông là bà Ng đều biết ông vay tiền ông T.

Ông đồng ý trả tiền cho ông T nhưng do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên ông xin trả tiền nợ làm nhiều lần, chia số tiền còn nợ là thành 18 lần trả, mỗi lần trả 5.000.000 đồng, mỗi tháng trả một lần vào ngày 30 hàng tháng và thời điểm trả từ tháng 9/2024 cho đến khi trả hết nợ và ông đề nghị được xin lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Bà xác nhận việc chồng bà là ông Dương Quỳnh H có nợ tiền của ông Lương Duy T nhưng bà xác định việc vay và trả nợ là trách nhiệm của ông H, không liên quan đến bà và các con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Bà đồng ý với quan điểm của chồng bà là ông Lương Duy T trình bày về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện. Do công việc nên bà đã làm đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định đúng quan hệ pháp luật và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành không đầy đủ quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166; Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/YBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H và bà Ng phải trả nợ cho vợ chồng ông T số tiền 85.000.000 đồng và đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ng và bà B.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này bị đơn là cá nhân sinh sống tại xã L, huyện S; Nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là vay tiền, có giấy xác nhận nợ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại số tiền cho vay nên Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay”. Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Sự việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra từ năm 2015. Sau đó nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không trả nợ. Đây là vụ án tranh chấp về tài sản, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông số tiền 85.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án căn cứ vào giấy vay tiền ngày 22/01/2015 và ngày 16/5/2015 đã xác định vào thời gian năm 2015 nguyên đơn đã cho bị đơn vay tổng số tiền 80.000.000 đồng. Ngoài ra cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nguyên đơn có cho bị đơn vay thêm số tiền 10.000.000 đồng và hai bên không viết giấy xác nhận mà chỉ thỏa thuận miệng về thời hạn trả nợ và lãi suất. Ngày 24/5/2024 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận có vay bị đơn số tiền đúng như giấy xác nhận nợ và quan điểm trình bày của nguyên đơn. Bị đơn xác định do điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Như vậy có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 85.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Ng đều xác định đây là khoản nợ riêng của ông H và bà Ng không biết việc ông H vay tiền của ông T, cũng như mục đích ông H vay tiền để làm gì và xác định không liên quan. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H xác định số tiền vay của ông T được dùng vào việc mua cá giống chăn nuôi thả cá mặt nước tại hồ Suối Sải để phát triển kinh tế gia đình là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tại thời điểm năm 2010 ông H có ký hợp đồng thuê hồ Suối Sải với công ty TNHH Một thành viên công ty thủy lợi Lập Thạch thì bà Ng và ông H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp và vợ chồng vẫn đang chung sống hòa thuận. Nguyên đơn đều xác định mỗi khi đến nhà đòi nợ thì bà Ng đều biết và trực tiếp khát nợ. Do vậy căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự, xác định nghĩa vụ trả nợ nêu trên là nghĩa vụ liên đới của vợ chồng ông H và bà Ng thì ông H, bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T, bà B. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 166, Điều 280 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H, bà Ng phải trả cho vợ chồng ông T số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải trả lãi cho khoản vay từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H, bà Ng phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả. Tuy nhiên hiện nay cả ông H và bà Ng đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166; Điều 280; Điều 288; Điều 155; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Duy T.

1. Buộc ông Dương Quỳnh H và bà Nguyễn Thị Ng phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lương Duy T và bà Nguyễn Thị B số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông T bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà Ng không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà Ng được miễn án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khương Đặng Khánh Hằng

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

Nơi nhận:

THẨM

- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân
Toà

Thẩm phán - Chủ toạ phiên

Nguyễn Đức Túc Nguyễn Thị Hiền

Khương Đặng Khánh Hằng

